

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-7-2024.

V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Linh Ngân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1981 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Vũ Ngọc H1, sinh năm 1976 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, không đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, lý do không đăng ký kết hôn là do nhận thức pháp luật.

Quá trình sống chung ông H1 và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019. Trong thời gian chung sống, có 05 con chung là gồm Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002; Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004; Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014 và Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-

2020. Nay bà H thấy mây thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trên như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án không công nhận ông Vũ Ngọc H1 và bà Trần Thị H là vợ chồng.

+ Về con chung: Tại biên bản hoà giải ngày 06/6/2024 bà H và ông H1 đã thoả thuận được với nhau về con chung, yêu cầu Tòa án công nhận sự thoả thuận này, cụ thể: Đối với cháu Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002; Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H và ông H1 đã thoả thuận giao 02 con chung Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014 và Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-2020 cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Ngọc H1 trình bày: Ông H1 đồng ý với lời trình bày trên của bà H về tình trạng hôn nhân và thoả thuận về việc nuôi con chung, ông không bổ sung gì thêm. Về mâu thuẫn vợ chồng ông H1 thấy mục đích hôn nhân không đạt được, lý do bà H và ông H1 bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trên như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý với lời trình bày của bà H là yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà H và ông H1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Đối với cháu Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002; Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014; Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-2020. Ông H1 đồng ý giao con chung cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành như Biên bản hoà giải thể hiện, ông yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thoả thuận này trong bản án.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu nên ông H1 không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 thỏa thuận giao con chung Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014; Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-2020 cho bà Trần Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi;

Đối với Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002 và Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về án phí: bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Vũ Ngọc H1. Hiện nay, ông H1 đang sinh sống tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án, do bà H và ông H1 chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên khi yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới. Lý do không đăng ký kết hôn là do nhận thức pháp luật. Quá trình sống chung ông H1 và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay cả hai vợ chồng xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị H là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là không được pháp luật công nhận. Hậu quả của việc bà H và ông H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được

pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 thỏa thuận giao 02 con chung là Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014; Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-2020 cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với các cháu Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002; Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Trần Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1.

1.2. Về con chung: bà Trần Thị H và ông Vũ Ngọc H1 thỏa thuận giao 02 con chung là Vũ Văn H, sinh ngày 25-8-2014 và Vũ Thị Như Q, sinh ngày 11-02-2020 cho

bà Trần Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với cháu các cháu Vũ Đình H, sinh ngày 18-02-2000; Vũ Thị Hồng T, sinh ngày 12-3-2002; Vũ Văn H, sinh ngày 14-02-2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm trên, được khấu trừ vào số tiền bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0004161 ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

1.5 Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: H1 sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà